CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3836984 Fax: (0251) 3836023
Website: www.donac.net

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
DN: c=VN, st=ĐỒNG NAI, l=BIÊN HÒA, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3600475018
Date: 2020.06.24 18:22:54 +07'00'

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Tháng 6/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3836984 Fax: (0251) 3836023
Website: www.donac.net

DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020;
2. Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020;
3. Quy chế bầu cử;
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch năm 2020;
5. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019;
6. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019;
7. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019;
8. Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;
9. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019;
10. Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020;
11. Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch 2020;
12. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020;
13. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3836984 Fax: (0251) 3836023
Website: www.donac.net

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

(Bắt đầu lúc 09h30 ngày 26 tháng 06 năm 2020)

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
9h30-9h45	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông; - Kiểm tra tư cách đại biểu, phát thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử và Tài liệu Đại hội.	**Ban tổ chức**
9h45 – 10h00	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Chào cờ, tuyên bố lý do; - Giới thiệu & Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu; - Giới thiệu Ban thư ký Đại hội.	**Ban tổ chức**
10h00- 10h10	- Thông qua Quy chế làm việc; - Thông qua chương trình Đại hội.	**Chủ tịch đoàn**
10h10- 10h30	**Các báo cáo tại Đại hội:** - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch năm 2020; - Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019; - Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2019; - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.	**Đoàn chủ tịch** **Đại diện BKS**
10h30- 11h00	**Nội dung tờ trình:** - Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019; - Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020; - Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch 2020; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020. - Tờ trình danh sách ứng cử viên vào HĐQT và Ban kiểm soát. ***Đại hội thảo luận các nội dung, biểu quyết thông qua nội dung đệ trình của HĐQT.*** ***Công bố kết quả biểu quyết.***	**Đoàn chủ tịch**
11h00- 11h20	**Bầu cử HĐQT và Ban kiểm soát:** - Hướng dẫn bầu cử; - Cổ đông bỏ phiếu bầu cử.	**Ban kiểm phiếu**
11h20- 11h40	**Đại hội giải lao- kiểm phiếu** - Ban kiểm phiếu làm việc	**Ban kiểm phiếu**
11h40- 11h50	**Công bố kết quả kiểm phiếu**	**Ban kiểm phiếu**
11h50-12h00	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội; - Tuyên bố bế mạc Đại hội.	**Ban kiểm phiếu**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3836984 Fax: (0251) 3836023
Website: www.donac.net

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI NĂM 2020

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Điều lệ Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.*

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai năm 2019 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- ***Đối tượng***: Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- ***Phạm vi áp dụng***: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 16/06/2020 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định;
- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép;

Điều 6. Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/không được nhận ủy quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đoàn Chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
    a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
    b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
    c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
    d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
    e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa:

  Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
    a. Giúp Đoàn Chủ tọa kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
    b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
    c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
    d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
    e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu

   Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

   Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần

có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
   - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
   - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
   - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
   - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
   - Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
   - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
   - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
   - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa;
   - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:
   - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;
   - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:
    - Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

3. Thể lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 16/06/2020) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 27.223.647 cổ phần tương đương với 27.223.647 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Lưu ý, cổ đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp 2014).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận kết quả biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội

Điều 14. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

NGUYỄN CÔNG LÝ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VLXD ĐỒNG NAI

QUY CHẾ BẦU CỬ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ , BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2020 – 2025

I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị , Ban kiểm soát của Công ty CP Tấm Lợp VLXD Đồng Nai được bỏ phiếu kín tại Đại hội.
2. Tiêu chuẩn của những người được ứng cử,đề cử vào HĐQT và BKS theo quy định của Điều lệ công ty đã được Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.
3. Việc bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc cho một số ứng cử viên.
4. **Phiếu bầu cử:**

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông đến dự Đại hội sẽ được phát một phiếu bầu " HĐQT. BKS" ứng với số cổ phần mà cổ đông, đại diện cổ đông sở hữu và hoặc đại diện sở hữu.

a/ Phiếu bầu cử hợp lệ là:

- Phiếu do Ban tổ chức phát hành;
- Phiếu bầu tối đa hoặc bầu từ một đến tối đa số thành viên HĐQT và BKS, trong danh sách đề cử đã được Đại hội thông qua.
- Phiếu không tẩy xóa, sữa chữa nội dung phiếu bầu (phiếu ghi sai phải đổi lại phiếu mới)

b/ Phiếu bầu cử không hợp lệ là:

- Phiếu không do Ban tổ chức phát hành , phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung.
- Bầu quá số thành viên HĐQT, BKS quy định hoặc không bầu ai trong danh sách ứng cử hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách ứng cử hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.

5. **Ban kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu do Chủ tịch đoàn đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT và BKS.
- Ban kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính như sau:

Hướng dẫn tóm tắt quy định về bầu cử, kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông , đại diện cổ đông, giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tịch Đoàn Đại hội.

II. CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BẦU CỬ

1. **Tiêu chuẩn** làm thành viên Hội đồng quản trị và BKS phải là người có đủ tiêu chuẩn như điều 19.3 và điều 30.2 của Điều lệ Công ty đã quy định.

2. Tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS

- Khi được phát phiếu bầu cử, cổ đông, đại diện cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần của phiếu được phát. Nếu số cổ phần ghi trên phiếu bầu cử của cổ đông, đại diện cổ đông không đúng với số cổ phần của cổ đông, đại diện cổ đông đó sở hữu, đại diện sở hữu thì phải thông báo lại cho Ban kiểm phiếu tại thời điểm nhận phiếu.

3. Mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên để bầu vào HĐQT, BKS. Cổ đông, đại diện cổ đông dùng số phiếu bầu của mình ghi vào ô chọn cho người mà mình tín nhiệm cạnh danh sách tên của từng ứng cử viên và bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

4. Tổ chức kiểm phiếu

- Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi bỏ phiếu kết thúc.
- Ban kiểm phiếu không được gạch xóa hoặc sửa chữa trên phiếu đã bầu.
- Mọi công việc kiểm tra , lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm trung thực chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

5. Trúng cử thành viên HĐQT và BKS

- Theo quy định tại điểm a, khoản 3 điều 104 Luật Doanh nghiệm 2005 thì người trúng cử thành viên HĐQT và BKS phải có phiếu bầu ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp.
- Ứng viên trúng cử phải có số phiếu bầu nhiều hơn tính theo số thứ tự số phiếu đạt được từ cao đến thấp cho đến tối đa số người trúng cử theo quy định.

6. Công bố kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu, trưởng ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu trước đại hội.

7. Khiếu nại và xử lý khiếu nại

Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Bản quy chế Bầu cử này có hiệu lực tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 khi Đại hội biểu quyết thông qua.

Ngày 12 tháng 06 năm 2020

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN CÔNG LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 06 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

Kính thưa Quý cổ đông: Tôi xin thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai trình bày báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Năm 2019, tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nguyên nhân chính đến từ căng thẳng thương mại giữa các nước lớn tiêu biểu là Mỹ và Trung Quốc, bên cạnh đó cú sốc về giá dầu, biểu tình, sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đã ảnh hưởng đến cán cân thương mại toàn cầu.

Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam vụt lên trở thành điểm sáng trong bức tranh kinh tế thế giới với sự năng động và tốc độ phát triển mạnh mẽ. Theo đó, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2019 của Việt Nam đạt 7,02%, vượt mục tiêu đề ra 6,6% - 6,8% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2017. Lạm phát được kiểm soát tốt nhất trong 3 năm qua ở mức 2.79% và tình hình lãi suất tương đối ổn định. Ngoài ra, thị trường bất động sản tiếp tục đà phục hồi với hàng loạt các dự án được triển khai xây dựng giúp cho ngành xây dựng đạt mức tăng trưởng 9,20% đã tạo nên những yếu tố thuận lợi cho các doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng nói chung và Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai nói riêng.

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	TH 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	394,16	364,27
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	323,62	295,12
Lợi nhuận gộp	**Tỷ đồng**	**63,79**	**62,4**
Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	0,03	0,07
Chi phí hoạt động tài chính	Tỷ đồng	55,24	48,52
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	0,89	0,66

Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	10,42	7,13
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	**Tỷ đồng**	**(2,73)**	**6,16**
Lợi nhuận khác	**Tỷ đồng**	**1,57**	**0,47**
Lợi nhuận trước thuế	**Tỷ đồng**	**(1,16)**	**6,63**
Lợi nhuận sau thuế	**Tỷ đồng**	**(1,16)**	**5,30**
EBITDA	**Tỷ đồng**	**90,46**	**90,86**

Cả hai mảng sản xuất kinh doanh của Công ty (tấm lợp fibro xi măng và gia công xi măng) năm 2019 có những khởi sắc nhất định, cụ thể như sau:

- Gia công xi măng: Sản lượng gia công xi măng đạt 769,467 ngàn tấn tương đương doanh thu 254,33 tỷ đồng, giảm 4,98% so với năm 2018. Sản lượng xi măng gia công tuy có giảm sút nhưng không đáng kể. Tuy nhiên theo nhận định năm 2020 sẽ là một năm tương đối khó khăn của xi măng.

- Tấm lợp: Sản lượng tiêu thụ tấm lợp đạt 2,42 triệu m2 (80,23 tỷ đồng doanh thu), giảm 9,19% so với năm 2018. Khoảng 5 năm gần đây, nhu cầu thị trường cho sản phẩm tấm lợp fibro xi măng giảm hẳn đi, chủ yếu là do sự lan truyền các thông tin sai lệch về sản phẩm (như amiang trắng gây ung thư), và sự cạnh tranh khốc liệt của nhiều sản phẩm thay thế (như tôn kẽm, tôn mạ màu). Trong bối cảnh khó khăn đó, Công ty đã nỗ lực để duy trì sản lượng đầu ra, một kết quả khá tốt của Công ty.

Tổng doanh thu thuần của Công ty giảm đi 20 tỷ đồng so với cùng kỳ 2018 nhưng lợi nhuận kế toán trước thuế lại tăng lên 6,63 tỷ đồng. Các chi phí sản xuất, tài chính và chi phí bán hàng đều giảm, giúp lợi nhận trước thuế, lãi vay và khấu hao đạt 94,61 tỷ đồng. Đây là kết quả của một năm nỗ lực đổi mới mình, về tư duy, con người lẫn cách thức vận hành quản lý và sản xuất kinh doanh. Thời gian tới, Công ty còn rất nhiều việc phải làm, phải thay đổi, phải cải tiến và năm 2019 là một bước đệm quan trọng của sự chuyển mình tích cực này.

❖ **Tình hình tài sản**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	31/12/2019	Tỉ lệ 2019/2018
1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	97,63	176.	80,43%
2	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	591,33	554.	-6,14%
3	**Tổng tài sản**	**Tỷ đồng**	**688,96**	**731.**	6,12%
4	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	381,22	576.	51,3%
5	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	466,93	306.	-34,27%
6	**Nợ phải trả**	**Tỷ đồng**	**848,15**	**883.**	4,19%

Nhận xét về cơ cấu tài sản

Tổng giá trị tài sản năm 2019 tăng 42,19 tỷ đồng so với năm 2018, đạt 6,12%, chủ yếu đến từ khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và khấu hao tài sản cố định. Các hoạt động đầu tư mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong năm là không đáng kể.

Chủ yếu trong tài sản dài hạn của Công ty vẫn là nhà xưởng và dây chuyền sản xuất tấm lợp, dây chuyền sản xuất xi măng tại KCN Biên Hòa 1 và trạm nghiền xi măng Nhơn Trạch. Trong đó, nhà máy Nhơn Trạch, với giá trị còn lại cuối năm 2019 là 536,26 tỷ đồng, đang hoạt động hiệu quả và thân thiện với môi trường. Dây chuyền sản xuất xi măng tại KCN Biên Hòa 1, giá trị còn lại cuối 2019 là 0,27 tỷ đồng, đang được cải tiến để đáp ứng nhu cầu sản xuất và phù hợp với yêu cầu của thời đại công nghệ 4.0. Nhà máy và dây chuyền sản xuất tấm lợp đã lâu đời nhưng nhờ được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên định kỳ, vẫn đang hoạt động hiệu quả.

Những cải tiến trong năm:

Năm 2019 chứng kiến nhiều đổi thay của Công ty, cả người lẫn việc, chủ yếu bao gồm:

- Đổi mới kiện toàn bộ máy quản lý với những nhân sự trẻ, tài năng và nhiệt huyết;
- Cơ cấu lại nhân sự, thanh lọc những cá nhân không phù hợp nhằm cắt giảm chi phí và cải thiện hiệu suất công việc;

- Thay đổi chính sách quản lý để phù hợp với thực tế sản xuất, nhu cầu kinh doanh cũng như năng lực của người lao động (như sáp nhập phòng phiếu và trạm cân, một số quy định mới về sản xuất, giao/lấy hàng);

- Sâu sát hơn các kế hoạch báo cáo mua hàng, sản xuất, bảo trì bảo dưỡng máy móc, cải tiến công nghệ cho các hệ thống máy móc;

- Giám sát 24/24 hoạt động bán hàng, sản xuất để giải quyết nhanh chóng và kịp thời cho nhà phân phối, vân vân…

Có những việc đã làm được, có những việc chưa. Có thay đổi mang lại hiệu quả cao, có thay đổi chưa. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc chúng tôi vẫn đang miệt mài nỗ lực với mong muốn mang đến một diện mạo mới tích cực cho Công ty trong tương lai.

2. Kế hoạch năm 2020

❖ **Chỉ tiêu cụ thể:**

Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
SẢN XUẤT			
- Tấm lợp	M2	2.044.912	2.500.000
- Xi măng	Tấn	769.467	972.000(*)
TIÊU THỤ			
- Tấm lợp	M2	2.416.537	2.500.000
- Xi măng	Tấn	769.467	972.000
TÀI CHÍNH			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	Tỷ đồng	364	415,45
EBITDA	Tỷ đồng	90,86	100
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,63	13,72

(*) Trong đó, xi măng dùng cho sản xuất tấm lợp là 17.000 tấn.

❖ **Biện pháp thực hiện:**

- Tăng cường công tác quản lý: kiểm soát chi phí nguyên vật liệu đầu vào, thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguyên nhiên liệu,… nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
- Duy trì và nâng cao chất lượng các dây chuyền sản xuất: chăm lo bảo trì bảo dưỡng, đảm bảo máy móc vận hành hiệu suất cao, không ngưng trệ, trang thiết bị đảm bảo an toàn lao động cho người lao động và đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường, nghiên cứu áp dụng công nghệ khoa học tiên tiến, đáp ứng yêu cầu của thời đại công nghệ 4.0.
- Đa dạng hóa sản phẩm tấm lợp và xi măng, đáp ứng thị hiếu và nhu cầu của thị trường.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ:
  - ➢ Đối với tấm lợp, đẩy mạnh hoạt động quảng bá đặc tính cạnh tranh của sản phẩm "tiện lợi, kinh tế, độ bền cao, phù hợp với túi tiền của nhiều gia đình"; đính chính các thông tin sai lệch về sản phẩm; tiếp cận các thị trường mà Công ty đã bỏ ngõ từ lâu như vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển, ngập mặn, lũ lụt và các vùng có điều kiện khó khăn; tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, duy trì mối quan hệ với các đại lý, nhà phân phối của Công ty.
  - ➢ Đối với xi măng: Phối hợp với Công ty cổ phần xi măng Công Thanh để có kế hoạch sản xuất đáp ứng kịp thời tiêu chuẩn chất lượng và nhu cầu đầu ra.
- Cân đối sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục phối hợp với Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động như thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác an toàn lao động – vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, tổ chức các hoạt động giao lưu vui chơi cho cán bộ công nhân viên, tặng quà cho các cháu thiếu niên nhi đồng là con cháu của các CB – CNV nhân ngày Tết thiếu nhi, trung thu…
- Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng thông qua các chương trình phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của chính quyền địa phương như hỗ trợ trẻ em nghèo hiếu học vùng sâu vùng xa, đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương…

3. Lời kết

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020. Ban Tổng Giám đốc chúng tôi xin cảm ơn Hội đồng Quản trị đã tạo điều kiện để chúng tôi đạt được những thành quả như trên, cảm ơn toàn thể cán bộ công nhân viên đã chung tay góp sức phấn đấu cùng Công ty và cũng không quên gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông đã luôn đồng hành cùng Công ty.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

LÊ THÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……..	*Thứ sáu, ngày 26 tháng 06 năm 2020*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Phần 1 – Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2019

I. Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực.

Kế thừa những thành tựu trong năm 2018, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 tiếp tục chuyển biến tích cực và đạt nhiều kết quả nổi bật. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 tăng 7,02% . Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,6%-6,8% và cao hơn mức tăng trưởng của các năm từ 2011 – 2017. Chỉ số sản xuất toàn ngành Công nghiệp ước tính tăng 8,9% so với năm 2018, tuy thấp hơn mức tăng 10,2% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng các năm 2012-2016.

Những thách thức trên ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai. Tuy nhiên, toàn thể Ban Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực không ngừng nghỉ để đạt được nhưng thành tựu đáng ghi nhận, được tóm tắt như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Kế hoạch 2019
Doanh thu về bán hàng và cung cấp DV	387	364	583,3
EBITDA	90,46	90,86	200,8
Lợi nhuận sau thuế	(1,16)	6,63	82,4

II. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Tổng kết hoạt động HĐQT

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp. Các cuộc họp trong năm đều có sự tham gia đầy đủ của tất cả các thành viên trong Hội đồng quản trị.

STT	Họ tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Ông Nguyễn Bá Thuyền	Thành viên HĐQT	04	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên HĐQT	04	100%	

❖ **Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2019**

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/ĐHCĐ-NQ/2019	27/04/2019	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
2	01/HĐQT-NQ/2019	27/04/2019	Miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự quản lý
3	02/HĐQT-NQ/2019	16/09/2019	Kế hoạch trả nợ vay cho Ngân hàng
4	03/HĐQT-NQ/2019	27/11/2019	Miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự quản lý
5	04/HĐQT-NQ/2019	12/12/2019	Kế hoạch trả nợ nhà cung cấp, ngân hàng

❖ **Chế độ thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị**

Dù năm 2019 công ty có lợi nhuận tuy nhiên HĐQT quyết định không nhận thù lao để bù đắp cho khoản lỗ lũy kế của Công ty những năm trước đó.

2. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý

Năm 2019 là năm đánh dấu sự thay da đổi thịt của Công ty với sự cơ cấu ban quản lý bao gồm các nhân sự trẻ, tài năng và nhiệt huyết. Sự thay đổi này theo đúng định hướng của Công ty, đó là thay đổi để thích ứng và phát triển. Nhìn chung, đội ngũ quản lý đã đạt được các thành tựu nhất định trong năm qua, cụ thể như sau:

- Phấn đấu thực hiện đúng theo Nghị quyết đại hội cổ đông và các Nghị Quyết của HĐQT.
- Nâng cao công tác quản lý sản xuất kinh doanh: cơ cấu nhân sự khối văn phòng và sản xuất kinh doanh tinh và gọn, đổi mới tư duy, cách thức làm việc để hướng tới sự năng động và hiệu suất cao.

- Sản xuất: có kế hoạch sản xuất/mua hàng/bảo trì bảo dưỡng cụ thể, rõ ràng, nhằm chủ động về nguồn nguyên vật liệu đầu vào, sản lượng đầu ra, nhân sự và tài chính Công ty.
- Tiêu thụ: Phối hợp toàn lực cùng Công ty cổ phần Công Thanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và thúc đẩy tăng sản lượng xi măng gia công, phát triển Công ty nói riêng và Tập đoàn Công Thanh nói chung; hợp tác chặt chẽ với các nhà phân phối nhằm mở rộng thị trường tấm lợp.

Ban quản lý còn trẻ, chưa nhiều kinh nghiệm, vì vậy cần tiếp tục:

- Lấy ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị;
- Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban để bộ máy vận hành hiệu quả;
- Tiếp tục trao dồi và sẵn sàng lắng nghe để hoàn thiện kiến thức và kinh nghiệm.

Phần 2 – Phương hướng hoạt động năm 2020

I. Dự báo ngành xi măng và tấm lợp Việt Nam 2020

Năm 2020 dự báo là một năm khó khăn về thị trường tiêu thụ xi măng. Năm qua, Trung Quốc, Bangladesh, Philippines... là các thị trường xuất khẩu lớn của xi măng Việt Nam. Từ cuối năm 2017, Trung Quốc đã chuyển từ một nước xuất khẩu clinker sang nhập khẩu, do chính phủ Trung Quốc đang tích cực đẩy mạnh việc giảm công suất xi măng để đối phó với tình trạng dư thừa và ô nhiễm quá mức. Nhu cầu nhập khẩu clinker ở Trung Quốc tăng cao đã dẫn đến sự gia tăng xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, nếu họ thay đổi chính sách hoặc doanh nghiệp có đầu tư tốt thì câu chuyện có thể khác. Nhìn về cơ hội khi Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực, áp lực cạnh tranh đối với ngành trong năm 2020 tương đối gay gắt. Song với đà tăng trưởng tốt của ngành xi măng trong năm 2019 thì nhiều khả năng ngành sẽ tiếp tục có một năm tăng trưởng khá.

Riêng về thị trường tấm lợp fibro xi măng, chưa có nhiều chuyển biến lạc quan. Năm 2019 là năm mà Hiệp hội Tấm lợp Việt Nam siết chặt quản lý hoạt động sản xuất tấm lợp fibro: như tự động hóa dây chuyền (cụ thể là khâu xé bao định lượng amiang trắng), cách ly khu nghiền amiang trắng,… Thị trường tiêu thụ cầm chừng, nhưng vẫn còn chỗ trống cho ai biết tìm tòi và khai phá.

Sẵn sàng đối diện với thách thức, Hội đồng Quản trị Công ty đề ra mục tiêu phấn đấu nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách tăng năng suất, cải tiến chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm,… Có kế hoạch sản xuất bám sát nhu cầu thị trường, tránh ứ đọng, tồn kho.

II. Mục tiêu và Kế hoạch trong tương lai của Công ty

Hội đồng quản trị thống nhất xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Kế hoạch 2020
SẢN XUẤT		
- Tấm lợp	M2	2.500.000
- Xi măng	Tấn	972.000(*)
TIÊU THỤ		
- Tấm lợp	M2	2.500.000
- Xi măng	Tấn	972.000
TÀI CHÍNH		
Doanh thu về bán hàng và cung cấp DV	Tỷ đồng	415,45
EBITDA	Tỷ đồng	100
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,72

(*) Trong đó, xi măng dùng cho sản xuất tấm lợp là 17.000 tấn.

Đồng thời Hội đồng quản trị cũng đề ra những phương hướng thực hiện cụ thể sau:

a. Tăng cường các biện pháp quản lý như : tiếp tục quản lý chặt chẽ sử dụng vật tư, lao động. Phát huy kinh nghiệm và thành tích tốt trong quản lý công tác phục hồi, sửa chữa thiết bị, giảm các hao phí lao động không cần thiết, phấn đấu tiếp tục hạ giá thành sản xuất, tăng mức lưu chuyển vốn kinh doanh, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm bằng cơ chế giá bán linh hoạt và hình thức tiêu thụ sản phẩm hợp lý, tăng nhanh vòng quay của vốn lưu động hiện có trong năm, tăng nhanh tỷ suất lợi nhuận.

b. Thực hiện tốt các kế hoạch cung ứng vật tư, phụ tùng đồng bộ, bảo đảm cho hoạt động sản xuất, sửa chữa thường xuyên ổn định với giá cả hợp lý. Phấn đấu giảm tiếp mức sử dụng vật tư, đặc biệt là vật tư phụ tùng phục vụ cho sửa chữa, giảm chi phí trong quản lý ở từng xí nghiệp và toàn Công ty, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thương trường.

c. Cải tiến quy trình vận hành thiết bị, quản lý chặt chẽ quy trình công nghệ, mạnh dạn áp dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới nhằm nâng cao sản lượng tấm lợp, xi măng. Phấn đấu giữ chất lượng xi măng ổn định, tiếp tục phát huy truyền thống chất lượng tấm lợp Đồng Nai. Phấn đấu giảm tỷ lệ sản phẩm hỏng trong sản xuất tấm lợp, giảm tỷ lệ bao bể trong khâu đóng bao xi măng xuống dưới mức cho phép và thấp hơn mức đã thực hiện trong năm trước.

d. Kết hợp chặt chẽ việc đào tạo nâng cao kiến thức, tay nghề cho công nhân với việc tăng cường giáo dục ý thức văn hóa doanh nghiệp ; xây dựng tác phong làm việc khoa học và công nghiệp, tuân thủ quy trình quy phạm kỹ thuật, an toàn sản xuất, vệ sinh môi trường lao động và quy chế nội quy Công ty.

e. Nâng cao tính hợp tác, thực sự công khai minh bạch và bình đẳng về các mối quan hệ lợi ích của các cổ đông trong Công ty; lợi ích giữa doanh nghiệp với người lao động, phấn

đấu vì lợi ích của Công ty cũng là vì lợi ích của mỗi người lao động. Với tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, cán bộ công nhân viên phải phấn đấu tăng năng suất lao động bảo đảm chất lượng, góp phần hạ giá thành sản phẩm, tăng nhanh tích lũy nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững, gắn liền lợi ích của các cổ đông và đời sống người lao động.

f. Tăng nhanh khả năng đầu tư công nghệ mới, tăng cường mọi tiềm lực, sức mạnh của Công ty và xây dựng mối quan hệ bạn hàng với nhiều phía, theo kịp công nghệ sản xuất mới trong những năm tới, tạo thêm sức cạnh tranh mới.

g. Tập thể cán bộ, công nhân viên luôn ý thức thực hiện trách nhiệm với môi trường, xã hội. Người lao động luôn tuân thủ những quy định về bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn sản xuất, đồng thời thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên như điện, nước,... một cách hợp lý. Ban Tổng giám đốc tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, đóng góp xây dựng xã hội và nước nhà.

III. Lời kết

Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai là một công ty có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, đã trải qua nhiều thăng và trầm. Ít nhất 4 năm gần đây, Công ty phải đối mặt với những khó khăn về đầu ra của sản phẩm tấm lợp, ảnh hưởng đáng kể đến tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Tuy nhiên, năm 2019 Công ty vẫn chứng kiến được sự tăng trưởng đều đặn của xi măng gia công và sự ổn định về đầu ra tấm lợp. Đây là một kết quả rất đáng ghi nhận. Chúng tôi đánh giá năm 2019 là năm tiền đề cho sự đổi mới, cải cách và hy vọng cuộc cải cách này tiếp tục mang lại kết quả khả quan hơn nữa trong các năm tới, tạo ra nhiều lợi ích hơn nữa cho Quý cổ đông, những người đã luôn đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Quý đại biểu và toàn thể cán bộ công nhân viên. Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

NGUYỄN CÔNG LÝ

CTY.CP TẤM LỢP VLXD ĐỒNG NAI
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

Kính gửi : **Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Tấm Lợp -Vật liệu xây dựng Đồng Nai**

Thay mặt ban kiểm soát công ty cổ phần Tấm lợp -Vật liệu xây dựng Đồng Nai tôi xin được báo cáo với Đại hội kết quả thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông năm 2019 giao và phương hướng hoạt động năm 2020 như sau :

1. Các hoạt động của ban kiểm soát :

- Trong năm 2019 Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật , chấp hành điều lệ công ty của Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo công ty trong quá trình điều hành sản xuất và kinh doanh.

- Đã có những đóng góp cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất và kinh doanh cũng như việc đảm bảo nguồn vốn để duy trì sản xuất.

- Xem xét các báo cáo tài chính của phòng kế toán, phân tích và đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính .

- Xem xét báo cáo kiểm toán và thư quản lý của công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A& C.

2. Đánh giá sự phối hợp của BKS với HĐQT và ban Tổng giám đốc :

Ban kiểm soát thường xuyên đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong điều hành sản xuất và kinh doanh.

Năm 2019 ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo công ty. Được cung cấp các số liệu về sản xuất kinh doanh và sử dụng các nguồn vốn .

3. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất và kinh doanh:

Năm 2019 Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra .Tuy nhiên do biến động của thị trường xi măng cung lớn hơn cầu nên hiệu quả sản xuất và kinh doanh chưa cao .

Năm 2019 là năm kinh tế cả nước có nhiều chuyển biến tích cực song vẫn còn nhiều khó khăn ,đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp trong đó có công ty cổ phần Tấm lợp- Vật liệu xây dựng Đồng Nai.Chính điều đó dẫn đến tiêu thụ sản phẩm xi măng còn chậm , không khai thác hết công suất của thiết bị :

- Sản lượng xi măng tại Nhơn Trạch chỉ đạt dưới 50% công suất thiết kế

- Sản lượng xi măng tại Biên Hòa chỉ đạt trên 50% công suất thiết kế

Trong khi đó điểm hòa vốn chung của các nhà máy xi măng phải đạt trên 65% công suất.Chính điều này đã làm tăng giá thành sản phẩm ,hiệu quả sản xuất và kinh doanh thấp

Việc đầu tư góp vốn dài hạn vào đơn khác kém hiệu quả,làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt đông kinh doanh của toàn công ty.

Tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 cũng cho thấy được sự cố gắng rất lớn của ban lãnh đạo cũng như tập thể cán bộ công nhân viên toàn công ty.Thể hiện ở một số chỉ tiêu sau :

Doanh thu năm 2019 chỉ bằng 92,4% so với năm 2018 nhưng do đã giảm được chi phí lãi vay ,chi phí bán hành và chi phí quản lý doanh nghiệp nên kinh doanh đã có lãi 6.632.596.070 đồng.

4. Kết quả thẩm định báo cáo chính năm 2019

Báo cáo tài chính của Công ty cổ Phần tấm lợp- Vật liệu xây dựng Đồng Nai được lập theo đúng mẫu biểu của bộ tài chính ,phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam ,chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành .

Số liệu trên báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả sản xuất và kinh doanh của Công ty tại thời điểm 31/12/2019. Báo cáo này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.Tuy nhiên do lỗ từ các năm trước, nên lỗ lũy kế tính đến 31/12/2019 đã vượt quá vốn của chủ sở hữu, vì vậy công ty kiểm toán không đưa ra ý kiến cho báo cáo tài chính của công ty.

4.1/ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN	
		Năm 2018	Năm 2019
01	**Doanh thu thuần bán hàng và CCDV**	**387.411.507.295**	**357.525.393.272**
02	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**(1.155.706.990)**	**6.632.596.070**
	Trong đó **: - Từ hoạt động kinh doanh**	**(2.730.257.121)**	**6.158.116.258**
	- Từ hoạt động khác	**1.574.550.131**	**474.479.812**
03	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**(1.155.706.990)**	**6.632.596.070**
04	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu - EPS**	**(42)**	**244**

4.2/ Một số chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính của Công ty thời điểm 31/12/2019

a/ Cơ cấu tài sản

- Tổng tài sản : **731.149.865.799 đồng**
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản : 24,1 % (176.154.484.162 đồng)
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản : 75,9 % (554.995.381.637 đồng)

b/ Cơ cấu nguồn vốn

- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn : (20,9) %
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn : 120,9%

c/ Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán : 0,83 lần (Tổng tài sản / nợ phải trả)

- Khả năng thanh toán hiện hành : 0,31 lần (Tài sản ngắn hạn / nợ ngắn hạn)
- Khả năng thanh toán nhanh : 0,26 lần (TSNH- hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn

Các chỉ số trên cho thấy các khoản nợ phải trả đã vượt quá tổng tài sản của công ty ,khả năng thanh toán còn thấp .

5. Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát:

Năm 2019 Ban kiểm soát hoạt động chưa thật sự tốt , một phần do không có kinh phí ,một phần do có những thay đổi về nhân sự giữa hai kỳ Đại hội và một số yếu tố khác.

Dự kiến kế hoạch công tác năm 2020 như sau :

- Họp mỗi quý một lần- trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm trước khi trình HĐQT phê duyệt.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban lãnh đạo công ty.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ .

6. Kiến nghị với Hội đồng quản trị như sau :

- Tìm mọi biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư .Tăng cường sự quản lý ở nhà máy xi măng Công Thanh - Nhơn trạch để từ đó khai thác hết công suất thiết bị ,nâng cao hiệu quả đầu tư .
- Làm tốt hơn công tác tiếp thị và chăm sóc khách hàng để từ đó đẩy mạnh tiêu thụ hai mặt hàng chính là Xi măng và Tấm lợp Fibro xi măng.
- Phải cân đối tốt hơn nữa nguồn vốn để đảm bảo sản xuất Tấm lợp thường xuyên vì mặt hàng này vẫn mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Trên đây là báo cáo năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát ,rất mong được sự đóng góp ý kiến của quý vị cổ đông .

Xin kính chúc quý vị cổ đông nhiều sức khỏe và chúc Đại hội thành công tốt đẹp

T/M BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Nguyễn Văn Nho

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 33

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 (số cũ là 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (84-251) 383 6130
- Fax : (84-251) 383 6023

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 đường Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 03, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Bá Thuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Bà Lê Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Thân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Thân – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Lê Thân
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0911/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi 6.632.596.070 VND, tuy nhiên do lỗ các năm trước nên khoản lỗ luỹ kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 524.225.748.461 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu 152.557.824.060 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 400.619.470.565 VND. Những điều kiện này cho thấy yếu tố rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hiện nay, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc	**Trần Bảo Thanh - Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3154-2020-008-1*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2020

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as **Baker Tilly A&C** is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**176.154.484.162**	**97.629.435.854**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**1.795.958.783**	**1.634.636.043**
1. Tiền	111	V.1	1.795.958.783	1.634.636.043
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**149.185.817.293**	**58.141.499.115**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	147.161.639.683	56.120.198.020
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.958.786.200	1.952.223.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	221.851.410	225.538.095
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(156.460.000)	(156.460.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**25.172.708.086**	**37.853.300.696**
1. Hàng tồn kho	141	V.6	25.172.708.086	37.853.300.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**554.995.381.637**	**591.330.636.027**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.758.362.900**	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.758.362.900	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**551.141.210.782**	**586.039.542.130**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	544.068.764.709	578.725.389.945
- *Nguyên giá*	*222*		*1.070.286.922.864*	*1.069.476.366.760*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(526.218.158.155)*	*(490.750.976.815)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	7.072.446.073	7.314.152.185
- *Nguyên giá*	*228*		*9.667.346.689*	*9.667.346.689*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(2.594.900.616)*	*(2.353.194.504)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**50.000.000**	**50.000.000**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		50.000.000	50.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.9	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.045.807.955**	**5.241.093.897**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.045.807.955	5.241.093.897
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**731.149.865.799**	**688.960.071.881**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**883.707.689.859**	**848.150.492.011**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**576.773.954.727**	**381.216.756.879**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	42.767.352.644	52.759.128.019
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.354.843.926	37.563.425
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.196.895.860	283.845.583
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2.885.030.038	2.522.562.452
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a, c	291.956.744.460	203.351.069.601
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a, c	234.587.443.338	122.234.443.338
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	25.644.461	28.144.461
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**306.933.735.132**	**466.933.735.132**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b, c	77.363.908.325	117.363.908.325
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b, c	229.569.826.807	349.569.826.807
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**(152.557.824.060)**	**(159.190.420.130)**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**(152.557.824.060)**	**(159.190.420.130)**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	272.236.470.000	272.236.470.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*272.236.470.000*	*272.236.470.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	22.694.204.001	22.694.204.001
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	(524.225.748.461)	(530.858.344.531)
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*(530.858.344.531)*	*(530.858.344.531)*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*6.632.596.070*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**731.149.865.799**	**688.960.071.881**

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
M.S.D.N: 3600475018 - C.T.C.P - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Thị Yến Như
Kế toán trưởng/Người lập

Lê Thân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	364.272.704.443	394.162.668.550
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6.747.311.171	6.751.161.255
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10		357.525.393.272	387.411.507.295
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	295.124.895.412	323.615.774.637
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.400.497.860	63.795.732.658
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		74.336.260	29.564.269
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	48.526.102.596	55.236.219.198
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		48.526.102.596	55.236.219.198
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	660.837.647	890.379.498
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.129.777.619	10.428.955.352
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.158.116.258	(2.730.257.121)
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	1.110.328.409	2.046.324.025
12.	Chi phí khác	32	VI.8	635.848.597	471.773.894
13.	Lợi nhuận khác	40		474.479.812	1.574.550.131
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.632.596.070	(1.155.706.990)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.632.596.070	(1.155.706.990)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a, b	244	(42)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a, b	244	(42)

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Nguyễn Thị Yến Như	Lê Thân
Kế toán trưởng/Người lập	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***6.632.596.070***	***(1.155.706.990)***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8	35.708.887.452	36.375.725.310
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	48.526.102.596	55.236.219.198
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***90.867.586.118***	***90.456.237.518***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(92.802.681.078)	8.394.965.645
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.680.592.610	(10.026.396.735)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.876.525.034)	(14.227.311.646)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.195.285.942	4.027.008.351
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16a,b;VI.4	(425.322.600)	(126.107.532)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(2.500.000)	(3.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***8.636.435.958***	***78.495.395.601***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 9,12a	(828.113.218)	(2.715.088.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(828.113.218)***	***(2.715.088.182)***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(7.647.000.000)	(79.800.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(7.647.000.000)***	***(79.800.000.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**161.322.740**	**(4.019.692.581)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**1.634.636.043**	**5.654.328.624**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**1.795.958.783**	**1.634.636.043**

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Nguyễn Thị Yến Như
Kế toán trưởng/Người lập

Lê Thân
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; dịch vụ thương mại; khai thác xử lý và cung cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 đường Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 03, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 227 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 269 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa máy nghiền và chi phí xây dựng đường đê. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa máy nghiền

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng đường đê

Chi phí xây dựng tuyến đường đê tại Khu công nghiệp Ông Kèo phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ từ 02%/năm đến 2,5%/năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	357.070.305	145.451.014
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.438.888.478	1.489.185.029
Cộng	**1.795.958.783**	**1.634.636.043**

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	***145.535.232.880***	***52.821.776.323***
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	145.535.232.880	52.821.776.323
Phải thu các khách hàng khác	***1.626.406.803***	***3.298.421.697***
DNTN Quang Bình Minh	-	2.208.587.348
Các khách hàng khác	1.626.406.803	1.089.834.349
Cộng	**147.161.639.683**	**56.120.198.020**

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Hữu Thành	1.200.000.000	1.200.000.000
Các nhà cung cấp khác	758.786.200	752.223.000
Cộng	**1.958.786.200**	**1.952.223.000**

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	157.815.168	-	164.091.979	-
Ký quỹ	31.300.000	-	31.300.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	32.736.242	-	30.146.116	-
Cộng	**221.851.410**	**-**	**225.538.095**	**-**

4b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

5. Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan		**68.273.162.007**	**68.273.162.007**		***27.995.547.284***	***27.995.547.284***
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Dưới 06 tháng	68.273.162.007	68.273.162.007	Dưới 06 tháng	27.995.547.284	27.995.547.284
Các tổ chức và cá nhân khác		**2.493.331.306**	**2.336.871.306**		***2.870.683.066***	***2.714.223.066***
Phải thu khách hàng khác	Dưới 06 tháng	267.923.938	267.923.938	Dưới 06 tháng	178.369.607	178.369.607
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	236.363.636	236.363.636	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	219.450.033	219.450.033
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	43.636.364	43.636.364	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	460.745.937	460.745.937
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	140.745.941	140.745.941	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	29.748.373	29.748.373
	Trên 03 năm	35.508.378	35.508.378			
Các khoản trả trước cho người bán khác	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	191.810.000	191.810.000
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	123.810.000	123.810.000	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	824.000.000	824.000.000
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	680.000.000	680.000.000	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	779.953.000	779.953.000
	Trên 03 năm	936.413.000	779.953.000	Trên 03 năm	156.460.000	-
Các khoản phải thu khác	Trên 03 năm	28.930.049	28.930.049	Trên 03 năm	30.146.116	30.146.116
Cộng		**70.766.493.313**	**70.610.033.313**		**30.866.230.350**	**30.709.770.350**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	156.460.000	156.460.000
Số cuối năm	**156.460.000**	**156.460.000**

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.581.851.731	-	20.775.698.376	-
Công cụ, dụng cụ	146.226.989	-	238.428.374	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.593.715	-	25.593.714	-
Thành phẩm	8.419.035.651	-	16.813.580.232	-
Cộng	**25.172.708.086**	**-**	**37.853.300.696**	**-**

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	490.557.295.807	523.872.628.850	50.534.604.642	4.511.837.461	1.069.476.366.760
Mua trong năm	327.756.104	427.850.000	-	54.950.000	810.556.104
Số cuối năm	**490.885.051.911**	**524.300.478.850**	**50.534.604.642**	**4.566.787.461**	**1.070.286.922.864**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.832.243.918	73.890.746.569	32.197.547.237	3.380.555.733	131.301.093.457
Chờ thanh lý	-	-	-	-	
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	173.262.496.168	272.799.081.312	40.548.777.356	4.140.621.979	490.750.976.815
Khấu hao trong năm	12.506.784.674	20.689.218.697	2.073.712.586	197.465.383	35.467.181.340
Số cuối năm	**185.769.280.842**	**293.488.300.009**	**42.622.489.942**	**4.338.087.362**	**526.218.158.155**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	317.294.799.639	251.073.547.538	9.985.827.286	371.215.482	578.725.389.945
Số cuối năm	**305.115.771.069**	**230.812.178.841**	**7.912.114.700**	**228.700.099**	**544.068.764.709**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 465.726.592.768 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	548.702.660	9.667.346.689
Số cuối năm	**9.118.644.029**	**548.702.660**	**9.667.346.689**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	507.502.660	507.502.660
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.841.571.842	511.622.662	2.353.194.504
Khấu hao trong năm	233.466.108	8.240.004	241.706.112
Số cuối năm	**2.075.037.950**	**519.862.666**	**2.594.900.616**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.277.072.187	37.079.998	7.314.152.185
Số cuối năm	**7.043.606.079**	**28.839.994**	**7.072.446.073**
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Các khoản đầu tư tài chính

Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp 10%.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	90.000.000.000	90.000.000.000
Số cuối năm	**90.000.000.000**	**90.000.000.000**

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa máy nghiền	-	2.154.324.937
Chi phí xây dựng tuyến đường đê tại Khu công nghiệp Ông Kèo	2.045.807.955	3.068.769.952
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	-	17.999.008
Cộng	**2.045.807.955**	**5.241.093.897**

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 253.401.426.299 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2015	85.699.698.547
Năm 2016	47.994.955.723
Năm 2017	119.706.772.029
Cộng	**253.401.426.299**

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

12. Phải trả người bán

12a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	-	***11.913.507.182***
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	-	11.913.507.182
Phải trả các nhà cung cấp khác	***42.767.352.644***	***40.845.620.837***
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HB	-	4.597.560.000
Công ty TNHH Khoáng sản Hiệp Lực	9.071.268.892	5.850.073.310
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú	4.832.100.000	4.832.100.000
Các nhà cung cấp khác	28.863.983.752	25.565.887.527
Cộng	**42.767.352.644**	**52.759.128.019**

Trong đó, khoản phải trả về mua sắm tài sản cố định cuối năm là 577.790.000 VND (số đầu năm là 595.347.114 VND).

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Astrade Solution LP	430.506.459	2.180.256.407
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú	4.832.100.000	4.832.100.000
Các nhà cung cấp khác	1.256.064.897	1.561.700.297
Cộng	**6.518.671.356**	**8.574.056.704**

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Xuất nhập khẩu Quang Bình Minh	1.304.902.537	-
Các khách hàng khác	49.941.389	37.563.425
Cộng	**1.354.843.926**	**37.563.425**

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Được hoàn trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	250.245.973	13.498.264.094	(10.569.008.729)	-	3.179.501.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.445.874	96.404.464	(62.043.586)	(49.394.766)	4.411.986
Thuế tài nguyên	14.153.736	179.405.904	(180.577.104)	-	12.982.536
Thuế nhà đất	-	8.544.000	(8.544.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	**283.845.583**	**13.787.618.462**	**(10.825.173.419)**	**(49.394.766)**	**3.196.895.860**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước: 5%
- Tấm lợp, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu: 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.632.596.070	(1.155.706.990)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	922.893.865	1.595.738.191
Thu nhập chịu thuế	7.555.489.935	440.031.201
Lỗ các năm trước được chuyển	(7.555.489.935)	(440.031.201)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**-**	**-**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt dùng cho mục đích khác: 3%
- Sử dụng nước dưới đất dùng cho mục đích khác: 8%

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với:

- Diện tích 356 m^2 đất đang sử dụng tại phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức 24.000 VND/m^2/năm theo quy định tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đơn giá thu tiền thuê đất để xây dựng Trạm bơm nước tại phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Diện tích 90.024,6 m^2 đang sử dụng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 với giá thuê 7.858 VND/m^2/năm (đơn giá này được áp dụng cho thời gian thuê từ 01 tháng 01 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2012). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và 13 phải trả người lao động.

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	39.199.705	39.309.160
Cổ tức phải trả	27.263.285.675	27.263.285.675
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - lãi vay phải trả	263.766.547.150	175.665.767.154
Các khoản nhận ký quỹ	69.020.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	818.691.930	382.707.612
Cộng	**291.956.744.460**	**203.351.069.601**

16b. Phải trả dài hạn khác

Khoản lãi vay phải trả ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Khoản lãi vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền 223.766.547.150 VND đã quá hạn chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	122.234.443.338
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	120.000.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(7.647.000.000)
Số cuối năm	**234.587.443.338**

17b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân và được thay đổi theo chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	234.587.443.338	122.234.443.338
Trên 1 năm đến 5 năm	229.569.826.807	349.569.826.807
Cộng	**464.157.270.145**	**471.804.270.145**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	349.569.826.807
Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả sang dài hạn	(120.000.000.000)
Số cuối năm	**229.569.826.807**

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Khoản gốc vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền 114.587.443.338 VND đã quá hạn chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	28.144.461	31.144.461
Chi quỹ trong năm	(2.500.000)	(3.000.000)
Số cuối năm	**25.644.461**	**28.144.461**

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(529.702.637.541)	(158.034.713.140)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(1.155.706.990)	(1.155.706.990)
Số dư cuối năm trước	**272.236.470.000**	**76.737.250.400**	**22.694.204.001**	**(530.858.344.531)**	**(159.190.420.130)**
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(530.858.344.531)	(159.190.420.130)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	6.632.596.070	6.632.596.070
Số dư cuối năm nay	**272.236.470.000**	**76.737.250.400**	**22.694.204.001**	**(524.225.748.461)**	**(152.557.824.060)**

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	34.023.660.000	34.023.660.000
Ông Nguyễn Công Lý	57.200.000.000	57.200.000.000
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh	37.148.600.000	37.148.600.000
Các cổ đông khác	143.864.210.000	143.864.210.000
Cộng	**272.236.470.000**	**272.236.470.000**

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- *Cổ phiếu phổ thông*	*27.223.647*	*27.223.647*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- *Cổ phiếu phổ thông*	*27.223.647*	*27.223.647*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.796.710.967	1.816.264.310
Trên 1 năm đến 5 năm	7.186.843.867	7.265.057.239
Trên 5 năm	48.037.064.043	50.401.334.597
Cộng	**57.020.618.877**	**59.482.656.146**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 được Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051.

20b. Tài sản nhận giữ hộ

Vật tư nhận gia công của Công ty Cổ phần xi măng Công Thanh như sau:

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Clinker	Tấn	7.412,37	1.357,11
Vỏ bao xi măng	Cái	482.973	269.459

20c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	44,02	44,02
Euro (EUR)	374,30	374,30

20d. Nợ khó đòi đã xử lý

Các khoản nợ phải thu khách hàng với số tiền là 595.460.608 VND (năm trước là 595.460.608 VND) đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán tấm lợp	80.234.256.950	88.354.239.400
Doanh thu gia công xi măng	254.331.034.770	267.653.075.355
Doanh thu bán thành phẩm khác	26.526.607.969	36.510.637.546
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.180.804.754	1.644.716.249
Cộng	**364.272.704.443**	**394.162.668.550**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Gia công xi măng	254.331.034.770	267.653.075.355
Vận chuyển xi măng	1.288.074.108	-

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của tấm lợp đã bán	53.459.764.799	63.978.481.921
Giá vốn gia công xi măng	214.940.973.127	222.913.088.765
Giá vốn bán thành phẩm khác	25.911.370.958	36.724.203.951
Giá vốn dịch vụ khác	812.786.528	-
Cộng	**295.124.895.412**	**323.615.774.637**

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	473.238.450	626.295.350
Chi phí vật liệu, bao bì	71.998.575	96.431.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.327.628	59.327.628
Các chi phí khác	56.272.994	108.324.692
Cộng	**660.837.647**	**890.379.498**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.802.784.949	4.919.316.069
Chi phí vật liệu, bao bì	193.673.430	703.797.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	487.589.649	515.517.681
Chi phí dịch vụ mua ngoài	683.818.370	757.635.832
Các chi phí khác	1.987.237.221	3.460.668.952
- Chi trợ cấp thôi việc	*204.045.250*	*1.733.900.946*
- Chi phí khác	*1.757.865.971*	*1.798.787.686*
Cộng	**7.129.777.619**	**10.428.955.352**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, thuê xe	527.049.252	319.338.051
Thu nhập từ hoạt động cập cảng	523.455.862	865.033.500
Xử lý chênh lệch kiểm kê	-	701.920.088
Thu nhập khác	59.823.295	160.032.386
Cộng	**1.110.328.409**	**2.046.324.025**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hành chính	570.312.826	448.089.713
Chi phí khác	65.535.771	23.684.181
Cộng	**635.848.597**	**471.773.894**

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.632.596.070	(1.155.706.990)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.632.596.070	(1.155.706.990)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	27.223.647	27.223.647
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**244**	**(42)**

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.928.974.905	156.595.622.938
Chi phí nhân công	24.047.301.973	28.278.669.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.708.887.452	36.375.725.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.365.402.725	84.986.922.668
Chi phí khác	3.420.645.600	6.019.828.372
Cộng	**268.471.212.655**	**312.256.768.457**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	588.036.164	573.610.000
Thù lao và các khoản khác	42.000.000	62.000.000
Cộng	**630.036.164**	**635.610.000**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh là công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Giao dịch với bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua nguyên vật liệu và thành phẩm	35.973.866.810	49.259.697.349
Mua xi măng	13.615.663.651	272.390.910

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất tấm lợp: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tấm lợp.
- Lĩnh vực sản xuất xi măng: sản xuất và gia công xi măng.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển, cho thuê kho

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực sản xuất xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	74.372.002.589	254.331.034.770	28.822.355.913	357.525.393.272
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**74.372.002.589**	**254.331.034.770**	**28.822.355.913**	**357.525.393.272**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.500.983.541	36.070.028.254	2.038.870.799	54.609.882.594
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				54.609.882.594
Doanh thu hoạt động tài chính				74.336.260
Chi phí tài chính				(48.526.102.596)
Thu nhập khác				1.110.328.409
Chi phí khác				(635.848.597)

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực sản xuất xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***6.632.596.070***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	***549.067.250***	***261.488.854***	***810.556.104***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	***1.041.057.552***	***37.544.692.227***	***318.384.943***	***38.904.134.722***
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	81.603.078.145	267.653.075.355	38.155.353.795	387.411.507.295
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**81.603.078.145**	**267.653.075.355**	**38.155.353.795**	**387.411.507.295**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.725.363.260	42.851.510.673	899.523.875	52.476.397.808
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				52.476.397.808
Doanh thu hoạt động tài chính				29.564.269
Chi phí tài chính				(55.236.219.198)
Thu nhập khác				2.046.324.025
Chi phí khác				(471.773.894)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***(1.155.706.990)***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	***2.490.909.091***	***670.146.195***	***3.161.055.286***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	***1.127.966.175***	***39.086.120.043***	***319.214.462***	***40.533.300.680***
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản phẩm tấm lợp	Sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	17.625.166.127	708.730.843.911	2.947.896.978	729.303.907.016
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.845.958.783
Tổng tài sản				***731.149.865.799***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.041.876.113	847.019.226.247	31.262.288	852.092.364.648
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				31.615.325.211
Tổng nợ phải trả				***883.707.689.859***
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	32.065.120.286	650.399.723.570	4.810.591.982	687.275.435.838
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	1.684.636.043
Tổng tài sản				***688.960.071.881***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7.279.442.587	808.746.706.148	37.563.425	816.063.712.160
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				32.086.779.851
Tổng nợ phải trả				***848.150.492.011***

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoạt động kinh doanh của Công ty đã có lợi nhuận 6.632.596.070 VND. Tuy nhiên khoản lỗ luỹ kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 524.225.748.461 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu số tiền là 152.557.824.060 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 400.619.470.565 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty sẽ có lãi bằng việc đẩy mạnh tiêu thụ tấm lợp và tiếp tục tập trung vào sản xuất hơn một triệu tấn xi măng do Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh bao tiêu. Đồng thời, Công ty đang làm việc với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để cơ cấu lại nợ vay và lịch trả nợ. Theo đó các khoản vay và lãi vay sẽ được gia hạn thời gian trả nhằm giảm áp lực trả nợ vay của Công ty trong thời gian ngắn hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Thị Yến Như	**Lê Thân**
Kế toán trưởng/Người lập	**Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN **TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG** **ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*Thứ sáu, ngày 26 tháng 06 năm 2020*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tấm Lợp Vật liệu Xây Dựng Đồng Nai

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của *Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai* được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, ký ngày 31 tháng 3 năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: - Cổ đông DCT; - HĐQT, BKS, BTGĐ, Thư ký Công ty; - Lưu VT; HĐQT. (Tài liệu ĐHCĐ 2020).	**TM. BAN KIỂM SOÁT** **TRƯỞNG BAN** *(Đã ký)* **NGUYỄN VĂN NHO**

CÔNG TY CỔ PHẦN **TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG** **ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	

Thứ sáu, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tấm Lợp Vật liệu Xây Dựng Đồng Nai

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai;*
- *Căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

Dù cho kết quả kinh doanh năm 2019 có lãi nhưng Công ty sẽ không chia cổ tức và không trích lập các quỹ trong năm 2019 do số lãi này để bù đắp những khoản lỗ lũy kế từ các năm trước đó

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: - Cổ đông DCT; - HĐQT, BKS, BTGĐ, Thư ký Công ty; - Lưu VT; HĐQT. (Tài liệu ĐHCĐ 2019).	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** *(Đã ký)* **Nguyễn Công Lý**

CÔNG TY CỔ PHẦN **TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG** **ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **-o0o-**
Số: ……..	*Thứ sáu, ngày 26 tháng 06 năm 2020*

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020

<u>Kính gửi</u>: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tấm Lợp -Vật liệu Xây Dựng Đồng Nai

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận năm 2020:

- Doanh thu thuần : 415,45 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 13,72 tỷ đồng.

Phân phối lợi nhuận năm 2020:

- Theo kế hoạch, lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty là 13,72 tỷ đồng. Do khoản lỗ lũy kế từ những năm trước, lợi nhuận năm 2020 sẽ dùng để bù đắp cho khoản lỗ này. Vậy, Hội đồng quản trị kính trình đại hội cổ đông về việc tự phân bổ trong năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: - Cổ đông DCT; - HĐQT, BKS, BTGĐ, Thư ký Công ty; - Lưu VT; HĐQT. (Tài liệu ĐHCĐ 2020).	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** *(Đã ký)* **NGUYỄN CÔNG LÝ**

CÔNG TY CỔ PHẦN **TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG** **ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	

Thứ sáu, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v thông qua thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tấm Lợp Vật liệu Xây Dựng Đồng Nai

- *Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.*

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội chế độ chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2020 như sau:

1. Về chế độ thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2019:

Kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty ghi nhận khoản lãi nhưng Hội đồng quản trị và BKS quyết định không nhận thù lao để bù đắp các khoản lỗ lũy kế trước đó.

2. Về kế hoạch chi trả thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2020:

Hội đồng quản trị đề xuất mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 là 1% lợi nhuận sau thuế. Tuy nhiên, nếu Công ty không có lợi nhuận thì không tính thù lao.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: - Cổ đông DCT; - HĐQT, BKS, BTGĐ, Thư ký Công ty; - Lưu VT; HĐQT. (Tài liệu ĐHCĐ 2019).	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** *(Đã ký)* **NGUYỄN CÔNG LÝ**

CÔNG TY CỔ PHẦN **TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG** **ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **-o0o-**
Số :.....	

Thứ sáu, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020

<u>Kính gửi</u>: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tấm Lợp Vật liệu Xây Dựng Đồng Nai

- *Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.*

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 đạt hiệu quả cao nhất, Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán cho Công ty và được Uỷ Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: - Cổ đông DCT; - HĐQT, BKS, BTGĐ, Thư ký Công ty; - Lưu VT; HĐQT. (Tài liệu ĐHCĐ 2020).	**TM. BAN KIỂM SOÁT** **TRƯỞNG BAN** *(Đã ký)* **NGUYỄN VĂN NHO**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:	

Thứ sáu, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: DANH SÁCH ỨNG CỬ VÀO HĐQT, BKS

Nhiệm kỳ 2020-2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tấm Lợp Vật liệu Xây Dựng Đồng Nai

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.*

1. DANH SÁCH CÁC ỨNG VIÊN:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMND	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	Số cổ phần đại diện			
				CP cá nhân	CP đại diện	Cộng	% vốn điều lệ
A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ							
1	Nguyễn Công Lý	023459708	Chủ tịch HĐQT	5.720.000		5.720.000	21
2	Nguyễn Thị Mai Thảo	023611587	Đại học NN	2.190.000		2.190.000	8,04
3	Nguyễn Bá Thuyền	027055000666	ĐH Luật		1.400.000	1.400.000	5,14
A. BAN KIỂM SOÁT							
1	Nguyễn Văn Nho	024594712	Cử nhân KT	12.000	2.860.000	2.860.000	10,50
2	Phạm Đức Hùng	022828042	Cử nhân KT		2.860.000	2.860.000	10,50

3	Nguyễn Hoàng Vĩ	024783974	Cử nhân TC - NH		2.860.000	2.860.000	10,50

2. SỐ LƯỢNG CÁC ỨNG VIÊN DỰ KIẾN BẦU:

2.1: Số lượng ứng viên HĐQT dự kiến bầu 03 (Người)

2.2: Số lượng ứng viên BKS dự kiến bầu 03 (Người).

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội danh sách ứng cử vào HĐQT và ban kiểm soát để đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ Tịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do - Hạnh Phúc

Ảnh 4x6
(Ảnh mẫu mới nhất)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử / đề cử bầu làm thành viên HĐQT/ Ban Kiểm soát)

1. VỀ BẢN THÂN

Họ và tên khai sinh:.....Giới tính:.....

Họ và tên thường gọi:.....

Bí danh:.....

Sinh ngày : .....

Nơi sinh:.....

Số CMND/ Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....Tại:.....

Quốc tịch (các quốc tịch hiện có):.....

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu::.....

Địa chỉ nơi ở hiện tại:.....

Tên pháp nhân đại diện (trường hợp đại diện cho phần vốn góp của pháp nhân):.....

.....

.....

Địa chỉ đăng ký kinh doanh của pháp nhân:.....

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh :.....Ngày cấp:.....

2. TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN (ghi rõ trường , ngành học, niên khóa đào tạo)

Thời gian	Trường học	Ngành học	Bằng cấp/ chứng chỉ

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

3.1 Quá trình công tác (quá trình công tác từ năm 18 tuổi)

THỜI GIAN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC

Lưu ý:

(1) Thông tin về quá trình công tác phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian
(2) Cần nêu rõ các chức danh tại các tổ chức, công ty cổ phần khác.

3.2 Khen thưởng – Kỷ luật (Nếu có)

……
……

4. **QUAN HỆ GIA ĐÌNH** (Nêu rõ họ tên, quan hệ, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, chức vụ, đơn vị công tác, nơi ở hiện tại)
   - Vợ/ Chồng: ……
   - Cha:……
   - Mẹ:……..
   - Con:……..
   - Anh/ Chị Em ruột:……
   - ……
   - ……
   - ……....
   - ……
   - ……
   - ……..

5. **CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT:**
   - Tôi cam kết không vi phạm các quy định của Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
   - Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kì thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Ngày……tháng……..năm 2020

XÁC NHẬN
(Của cơ quan chủ quản ,
hoặc chính quyền địa phương)

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
DONG NAI ROOFSHEET CONSTRUCTION MATERIAL JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ : Đường số 4 KCN Biên Hoà 1, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Address: Road 4, Bien Hoa Industrial Zone 1, Dong Nai Pronvince, Viet Nam
Tell: (84-61) 383 6130 -383 6984 – Fax : (84-61) 3836 023 – Website : www.donac.net

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP -VLXD ĐỒNG NAI
NHIỆM KỲ 2020- 2025

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**
Công ty Cổ phần Tấm Lợp Vật Liệu Xây Dựng Đồng Nai

Tôi tên là: .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại:.....Email:.....

Số CMND/ Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....tại:.....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Số cổ phần sở hữu hoặc Đại diện sở hữu cho đến thời điểm hiện tại :.....cổ phần, tương ứng với :.....% vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ Công ty , tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên BKS Công ty Cổ phần Tấm Lợp VLXD Đồng Nai (DCT).
Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu BKS tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của công ty.

Xin trân trọng cảm ơn.

Ngày .....tháng ..... năm 2020

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch theo mẫu.
2. Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương:
3. Bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân /hộ chiếu và các văn bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

Mẫu 1: Mẫu đơn ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2020 -2025)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ (2020-2025)

Kính gửi **: CÔNG TY CP TẤM LỢP VLXD ĐỒNG NAI**

- Tôi tên: **NGUYỄN THỊ THÀNH**
- Địa chỉ: 52/1 KP6, Phường Tân Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
- CMND số: 270686551 do Công an Đồng Nai cấp ngày 5/7/2007

Hiện nay tôi đang sở hữu: 1.758.698 cổ phần DCT chiếm 6,49% vốn điều lệ của công ty;

- Tôi tên: **NGUYỄN THỊ MAI THẢO**
- Địa chỉ: .....
- CMND số: 023611587 do Công an TP.HCM cấp ngày 26/08/2011

Hiện nay tôi đang sở hữu: 2.190.000 cổ phần DCT chiếm 8,04% vốn điều lệ của công ty;

Căn cứ điều 19.2 của điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Tấm Lợp VLXD Đồng Nai. Nay chúng tôi đề cử ứng viên sau đây tham gia vào Ban kiểm soát Công Ty CP Tấm Lợp VLXD Đồng Nai nhiệm kỳ 2020 – 2025:

1. **Ông NGUYỄN HOÀNG VỸ, sinh năm 1990**
   - CMND số: 024783974 do Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 13/05/2017
   - Đại diện : 2.860.000 cổ phần (DCT), chiếm tỉ lệ : 10,50% vốn điều lệ

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về sự đề cử trên và cam kết không có bất cứ khiếu nại về sau.

Biên Hòa, ngày tháng năm 2020
NGƯỜI ĐỀ CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ (2020-2025)

Kính gửi **: CÔNG TY CP TẤM LỢP VLXD ĐỒNG NAI.**

- Tôi tên: **NGUYỄN CÔNG LÝ**
- Địa chỉ: 02 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- CMND số: 023459708 do Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 21/07/2011.

Hiện nay tôi đang sở hữu: 5.720.000 cổ phần DCT chiếm 21% vốn điều lệ của công ty; căn cứ điều 19.2 của điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Tấm Lợp VLXD Đồng Nai. Nay tôi đề cử các ứng viên sau đây tham gia vào Hội đồng quản trị Công Ty CP Tấm Lợp VLXD Đồng Nai nhiệm kỳ 2020 – 2025:

1. **Ông NGUYỄN CÔNG LÝ, sinh năm 1961**
   - CMND số: 023459708 do Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 21/07/2011.
   - Đại diện : 5.720.000 cổ phần (DCT), chiếm tỉ lệ : 21% vốn điều lệ
2. **Ông NGUYỄN BÁ THUYỀN, sinh năm 1955**
   - CCCD số: **027055000666** do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 27/06/2018.
   - Đại diện : 1.400.000 cổ phần (DCT), chiếm tỉ lệ : 5,14% vốn điều lệ
3. **Bà NGUYỄN THỊ MAI THẢO, sinh năm 1982**
   - CMND số: **023611587** do Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 26/08/2011.
   - Đại diện : 2.190.000 cổ phần (DCT), chiếm tỉ lệ : 8,04% vốn điều lệ

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về sự đề cử trên và cam kết không có bất cứ khiếu nại về sau.

Biên Hòa, ngày tháng năm 2020
NGƯỜI ĐỀ CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ (2020-2025)

Kính gửi **: CÔNG TY CP TẤM LỢP VLXD ĐỒNG NAI**

- Tôi tên: **NGUYỄN CÔNG LÝ**
- Địa chỉ: 02 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- CMND số: 023459708 do Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 21/07/2011.

Hiện nay tôi đang sở hữu: 5.720.000 cổ phần DCT chiếm 21% vốn điều lệ của công ty; căn cứ điều 19.2 của điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Tấm Lợp VLXD Đồng Nai. Nay tôi đề cử các ứng viên sau đây tham gia vào Ban kiểm soát Công Ty CP Tấm Lợp VLXD Đồng Nai nhiệm kỳ 2020 – 2025:

1. **Ông NGUYỄN VĂN NHO, sinh năm 1957**
   - CMND số: 024594712 do Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2013
   - Đại diện : 2.860.000 cổ phần (DCT), chiếm tỉ lệ : 10,50% vốn điều lệ
2. **Ông PHẠM ĐỨC HÙNG, sinh năm 1974**
   - CCCD số: **022828042** do do Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 6/3/2008
   - Đại diện : 2.860.000 cổ phần (DCT), chiếm tỉ lệ : 10,50% vốn điều lệ

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về sự đề cử trên và cam kết không có bất cứ khiếu nại về sau.

Biên Hòa, ngày tháng năm 2020
NGƯỜI ĐỀ CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc
--------oOo--------

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Ban kiểm soát)

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Vĩ **Chức vụ hiện tại: Kiểm soát nội bộ**

Ứng cử viên: Kiểm soát viên

Họ và tên:	Nguyễn Hoàng Vĩ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	27/07/1990
Nơi sinh:	Hà Tĩnh
CCCD:	024783974
	Ngày cấp 13/5/2017, nơi cấp: CA TP.HCM
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	12H Nguyễn Quang Bích, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM.
Địa chỉ hiện tại:	12H Nguyễn Quang Bích, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM.
Điện thoại:	0938.272.672
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- *Quá trình công tác:*	
+ Từ 11/2019 đến nay:	Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP Xi măng Công Thanh
+ Từ 8/2012 – 11/2019:	Kiểm toán viên tại Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
- *Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:*	Không
- *Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:*	Không
- *Số CP nắm giữ :*	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- *Đại diện sở hữu:*	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- *Cá nhân sở hữu:*	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

- *Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:* Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

Tp.HCM, ngày 05 tháng 06 năm 2020

Người khai

Nguyễn Hoàng Vĩ

CÔNG TY CỔ PHẦN **TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: ……..	*Thanh Hóa, ngày 26 tháng 06 năm 2020*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI NĂM 2020

Căn cứ :

- *Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Điều lệ Công ty Cổ phần Tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai;*
- *Biên bản họp đại hội cổ đông ngày 26/06/2020.*

QUYẾT NGHỊ

Ngày 26/06/2020, tại Thanh Hóa, Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ Phần Tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai được tổ chức với sự tham gia của ……. cổ đông sở hữu …….. cổ phần chiếm ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

Phần biểu quyết:

- *Tán thành : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : …… Cổ phần chiếm ……% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không có ý kiến : …….. Cổ phần chiếm ……..% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị 2019.

Phần biểu quyết:

- *Tán thành : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : …… Cổ phần chiếm ……% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

- *Không có ý kiến : …….. Cổ phần chiếm ……..% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo kết quả kiểm soát của Ban Kiểm Soát.

Phần biểu quyết:

- *Tán thành : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : …… Cổ phần chiếm ……% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không có ý kiến : …….. Cổ phần chiếm ……..% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.

Phần biểu quyết:

- *Tán thành : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : …… Cổ phần chiếm ……% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không có ý kiến : …….. Cổ phần chiếm ……..% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.

Do kết quả kinh doanh năm 2018 bị lỗ, nên Công ty sẽ không chia cổ tức và không trích lập các quỹ trong năm 2018.

Phần biểu quyết:

- *Tán thành : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : …… Cổ phần chiếm ……% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không có ý kiến : …….. Cổ phần chiếm ……..% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 6: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020.

Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận năm 2020:

- Doanh thu thuần : 415,45 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 13,72 tỷ đồng.

Phân phối lợi nhuận năm 2019:

- Theo kế hoạch, lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty là 13,72 tỷ đồng. Do khoản lỗ từ những năm trước, lợi nhuận năm 2020 sẽ dùng để bù đắp cho khoản lỗ này. Vậy, Hội đồng quản trị kính trình đại hội cổ đông về việc tự phân bổ trong năm 2020.

Phần biểu quyết:

- *Tán thành : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : …… Cổ phần chiếm ……% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

- *Không có ý kiến : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 7: Thông qua Thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

1. Về chế độ thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2019:

Do kết quả kinh doanh năm qua của Công ty ghi nhận khoản lãi nên Hội đồng quản trị đề xuất chia thù lao cho thành viên HĐQT và BKS trong năm 2019 tương đương 1% lợi nhuận sau thuế.

2. Về kế hoạch chi trả thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2020:

Hội đồng quản trị đề xuất mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 là 1% lợi nhuận sau thuế. Tuy nhiên, nếu Công ty không có lợi nhuận thì không tính thù lao.

Phần biểu quyết:

- *Tán thành : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : …… Cổ phần chiếm ……% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không có ý kiến : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 8: Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020.

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 đạt hiệu quả cao nhất, Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán cho Công ty và được Uỷ Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020.

Phần biểu quyết:

- *Tán thành : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : …… Cổ phần chiếm ……% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không có ý kiến : …… Cổ phần chiếm …….% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nghị quyết được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Tấm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- *Cổ đông,*
- *HĐQT,*
- *Ban Tổng Giám Đốc,*
- *Thư ký công ty,*
- *UBCKNN, Website,*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Công Lý

DONAC luôn sát cánh bên bạn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Trụ sở chính: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Email: info@donac.net

Website: www.donact.net